

DẠNG 5: BÀI TẬP VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) $1\text{km} =$  hm

b) $1\text{hm} =$  dam

c) $1\text{km} =$  dam

d) $1\text{hm} =$  m

e) $1\text{km} =$  m

g) $1\text{dam} =$  m

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) $5\text{km} =$  m

b) $6\text{m} =$  dm

c) $20\text{cm} =$  mm

d) $3\text{m} =$  cm

e) $4\text{cm} =$  mm

g) $2\text{dm} =$  mm

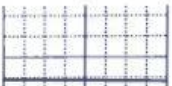
Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

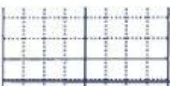
a) $8\text{km } 6\text{hm} =$  hm

b) $5\text{km } 25\text{dam} =$  dam

c) $7\text{hm } 8\text{m} =$  m

d) $16\text{hm } 9\text{dam} =$  dam

e) $3\text{km } 7\text{hm} =$  m

g) $5\text{km } 3\text{dam} =$  m

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) $15\text{m } 4\text{dm} =$  dm

b) $4\text{dm } 5\text{cm} =$  cm

c) $5\text{m } 30\text{dm} =$  dm

d) $8\text{m } 15\text{cm} =$  cm

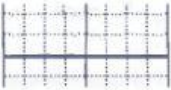
e) $20\text{dm } 5\text{mm} =$  mm

g) $7\text{m } 5\text{dm } 30\text{cm} =$  cm

Bài 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) $1\text{ ngày} =$  giờ

b) $1\text{ tuần} =$  ngày

c) Tháng 3 =  ngày

d) 2 giờ =  phút

e) Tháng 4 =  ngày

g) 3 phút =  giây

Bài 6. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 2 ngày 4 giờ =  giờ

b) 2 tuần 5 ngày =  ngày

c) 3 phút 34 giây =  giây

d) 2 giờ 42 phút =  phút

e) 3 tuần 6 ngày =  ngày

g) 4 ngày 2 giờ =  giờ

Bài 7. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) 8km 60dam =  dam

b) 17hm 80m =  dam

c) 9m 60mm =  cm

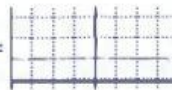
d) 12dm 90cm =  dm

e) 8hm 80dm =  m

g) 16m 20cm =  mm

Bài 8. Tính .

a) $8\text{km} + 22\text{km} =$ 

b) $276\text{dam} - 16\text{dam} =$ 

c) $52\text{dam} + 37\text{dam} =$ 

d) $1246\text{cm} - 1022\text{cm} =$ 

e) $12832\text{m} - 2890\text{m} =$ 

g) $762\text{hm} + 108\text{hm} =$ 

Bài 9. Tính .

a) $82918\text{cm}^2 + 1002\text{cm}^2 =$ 

b) $9873\text{cm}^2 - 353\text{cm}^2 =$ 

c) $32006\text{g} + 1727\text{g} =$ 

d) $6739\text{g} - 1023\text{g} =$ 

e) $12656\text{l} + 3462\text{l} =$ 

g) $83562\text{l} - 42130\text{l} =$ 

Bài 10. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) $3\text{km} \times 5 =$  km

b) $2\text{hm} \times 6 =$  dam

c) $12\text{dm} \times 4 =$  mm

d) $12\text{cm}^2 \times 5 =$  cm^2

e) $178\text{g} : 2 =$  g

g) $182\text{l} \times 3 =$  l

Bài 11. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

a) $6\text{km} \times 4 =$  hm

b) $13\text{m} \times 5 =$  dm

c) $15\text{dm} \times 3 =$  cm

d) $142\text{cm}^2 \times 6 =$  cm^2

e) $188\text{g} : 2 =$  g

g) $602\text{l} \times 3 =$  l

Bài 12. Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào ô trống .

a) $3\text{m } 50\text{cm}$  $3\text{m } 45\text{cm}$

b) $2\text{m } 40\text{cm}$  240cm

c) $1\text{m } 10\text{cm}$  101cm

d) $5\text{km } 4\text{hm}$  $50\text{dam } 400\text{m}$

e) $17\text{dm } 8\text{mm}$  180cm

g) $5\text{hm } 2\text{m}$  600m

Bài 13. Viết tiếp vào chỗ chấm theo mẫu.

Mẫu: $\frac{1}{8}$ của 96m là: $96 : 8 = 12 (\text{m})$

a) $\frac{1}{4}$ của 164kg là: 

b) $\frac{1}{2}$ của 720dam là: 

c) $\frac{1}{5}$ của 375hm là: 

d) $\frac{1}{2}$ ngày là: 